

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CẢ NƯỚC THÁNG 01 NĂM 2021

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp

Tính đến thời điểm 15/01/2021, cả nước gieo cấy được 1.826,9 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 92,9% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 62,2 nghìn ha, bằng 55,4%; các địa phương phía Nam đạt 1.764,7 nghìn ha, bằng 95,2%, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.434,8 nghìn ha, bằng 94,6%.

Ước tính tháng Một, tổng số bò cả nước tăng 2,2% so với cùng thời điểm năm trước; tổng số trâu giảm 2,7%; tổng số lợn tăng 16,2%; tổng số gia cầm tăng 6,5%.

b) Lâm nghiệp

Trong tháng Một, diện tích rừng trồng mới tập trung của cả nước ước tính đạt 6,9 nghìn ha, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt gần 3,7 triệu cây, giảm 2,6%; sản lượng gỗ khai thác đạt 900 nghìn m³, tăng 3,1%; sản lượng củi khai thác đạt 1,5 triệu ste, giảm 1,3%.

Trong tháng Một (16/12/2020-15/01/2021), diện tích rừng bị thiệt hại là 114,8 ha, cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích rừng bị cháy là 62,4 ha (cùng kỳ năm 2020 không có diện tích bị cháy); diện tích rừng bị chặt, phá ở mức cao với 52,4 ha, gấp 8,7 lần cùng kỳ năm 2020.

c) Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 01/2021 ước tính đạt 497,9 nghìn tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước tính đạt 252,5 nghìn tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước; Sản lượng thủy sản khai thác

ước tính đạt 245,4 nghìn tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước.

2. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2021 giảm 3,2% so với tháng trước và tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 27,2%, đóng góp 21,6 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 16,3%, đóng góp 1,5 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 6,2%, làm giảm 1 điểm phần trăm.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/01/2021 tăng 1,1% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 1,4% so với cùng thời điểm năm trước.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong tháng 01/2021 có nhiều khởi sắc, cả nước có gần 10,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 155,1 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký là 115,9 nghìn lao động, tăng 21,9% về số doanh nghiệp, tăng 25,9% về vốn đăng ký và tăng 37,2% về số lao động so với cùng kỳ năm 2020. Nếu tính cả 240 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 4.015 doanh nghiệp đăng ký tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong tháng 01/2021 là 395,1 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2020. Bên cạnh đó, còn có 6.503 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới

và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong tháng 01/2021 lên 16.594 nghìn doanh nghiệp, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước.

Cũng trong tháng có 25.752 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 36,4% so với cùng kỳ năm trước.

4. Đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 01/2021 ước tính đạt 23.233 tỷ đồng, bằng 5,1% kế hoạch năm và tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước, gồm có: Vốn Trung ương quản lý đạt 3.045 tỷ đồng, bằng 3,9% kế hoạch năm và tăng 28,2% so với cùng kỳ năm trước; Vốn địa phương quản lý đạt 20.188 tỷ đồng, bằng 5,4% kế hoạch năm và tăng 24% so với cùng kỳ năm 2020.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/01/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 2 tỷ USD, giảm 62,2% so với cùng kỳ năm 2020.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước 15 ngày đầu tháng 01/2021 ước tính đạt 36 nghìn tỷ đồng, bằng 2,7% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 22,5 nghìn tỷ đồng, bằng 2%; thu từ dầu thô 989 tỷ đồng, bằng 4,3%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 12,6 nghìn tỷ đồng, bằng 7%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước ước tính đạt 42,5 nghìn tỷ đồng, bằng 2,5% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 29,7 nghìn tỷ đồng, bằng 2,9%;

chi đầu tư phát triển 3 nghìn tỷ đồng, bằng 0,6%; chi trả nợ lãi 9,8 nghìn tỷ đồng, bằng 8,9%.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01/2021 ước tính đạt 479,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,7% (cùng kỳ năm 2020 tăng 8%).

b) Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Tiếp tục đà tăng trưởng của năm 2020, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021 đạt mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 54,1 tỷ USD, tăng 45,7% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 27,7 tỷ USD, tăng 0,2% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Một tăng 50,5%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 37,3%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 56,2%.

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa tháng 01/2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 7,5 tỷ USD, tăng 57,4% so với cùng kỳ năm trước.

Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 26,4 tỷ USD, giảm 5,4% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Một tăng 41%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 35,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 44,3%.

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021, Trung Quốc

vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 9,6 tỷ USD, tăng 72,7% so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính tháng 01/2021 xuất siêu đạt 1,3 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 1,8 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 3,1 tỷ USD.

c) Vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách tháng 01/2021 ước tính đạt 415,5 triệu lượt hành khách vận chuyển, giảm 16,1% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 17,7 tỷ lượt hành khách.km, giảm 25,4%.

Vận tải hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 169,7 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 31,5 tỷ tấn.km, tăng 6,8%.

d) Khách quốc tế đến Việt Nam

Khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng Một ước tính đạt 17,7 nghìn lượt người, tăng 9% so với tháng trước nhưng giảm 99,1% so với cùng kỳ năm trước do nước ta tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, chưa mở cửa du lịch quốc tế.

Trong tháng, khách quốc tế đến nước ta từ châu Á đạt 15.822 lượt người, chiếm 89,2% tổng số khách quốc tế, giảm 99% so với cùng kỳ năm trước. Khách đến từ châu Âu ước tính đạt 1.185 lượt người, giảm 99,5%; khách đến từ châu Mỹ ước tính đạt 486 lượt người, giảm 99,6%; khách đến từ châu Úc đạt 121 lượt người, giảm 99,8%; khách đến từ châu Phi đạt 122 lượt người, giảm 98%.

7. Một số tình hình xã hội

a) Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội

Để góp phần ổn định đời sống nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và giáp hạt đầu năm 2021, ngày 31/12/2020, Thủ tướng

Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2285/QĐ-TTg về hỗ trợ gạo cho nhân dân 2 tỉnh Nghệ An và Quảng Nam với số lượng hơn 1.702,8 tấn gạo. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành kế hoạch chăm lo Tết cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách với tổng số tiền hơn 14,1 tỷ đồng. Bên cạnh đó, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành Kế hoạch chuẩn bị đón Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021 và có các chương trình hỗ trợ riêng tùy theo điều kiện từng địa phương, bảo đảm cho người dân đón Tết vui tươi, lành mạnh, an toàn và tiết kiệm.

b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Trong tháng, dịch Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, tại Việt Nam, tính đến 14h00 ngày 28/01/2021 có 1.553 trường hợp mắc, 1.430 trường hợp đã được chữa khỏi (35 trường hợp tử vong).

c) Tai nạn giao thông

Trong tháng Một (15/12/2020-14/1/2021), trên địa bàn cả nước xảy ra 1.233 vụ tai nạn giao thông, làm 608 người chết; 366 người bị thương và 529 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 5,2%; số người chết tăng 2,9%;

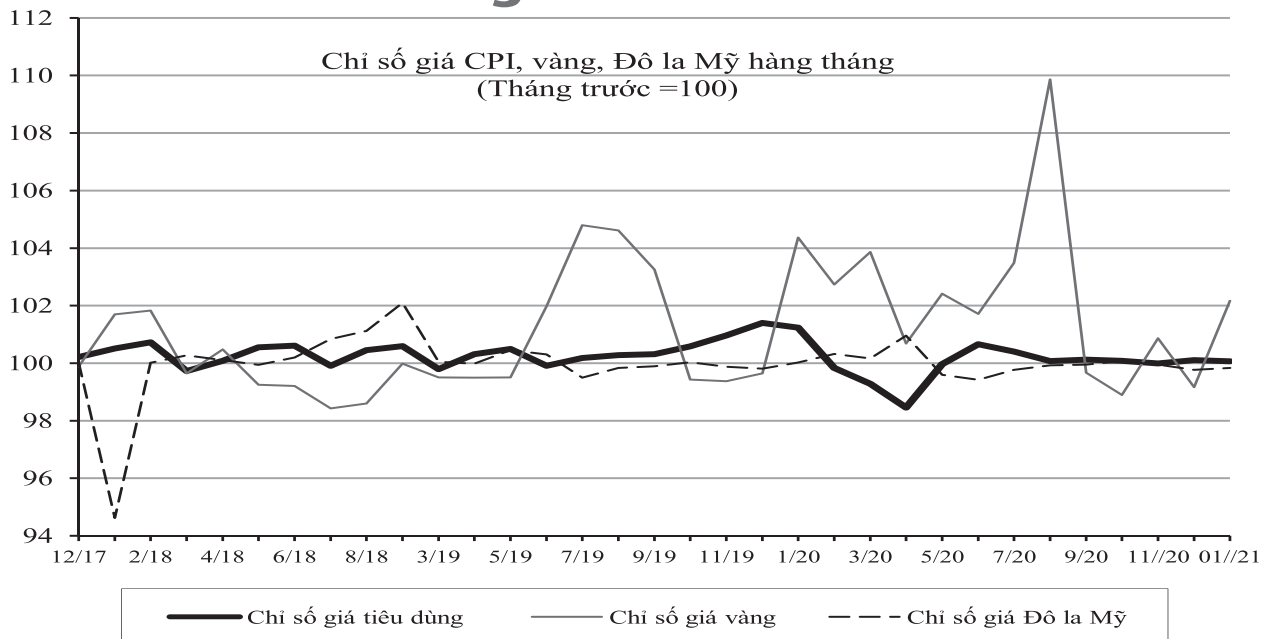
d) Thiệt hại thiên tai, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Thiên tai xảy ra trong tháng chủ yếu là rét đậm, rét hại; sạt lở và triều cường làm 288,3 ha lúa và 110 ha hoa màu bị hư hỏng; 3,3 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; 572 ngôi nhà bị ngập hư hại, thiệt hại ước tính hơn 25,5 tỷ đồng,...

Trong tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 245 vụ cháy, nổ, giá trị thiệt hại ước tính 114,2 tỷ đồng./.

(Theo Báo cáo Tình hình - kinh tế xã hội cả nước tháng 01 năm 2021 - TCTK)

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 01 năm 2021



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2021 SO VỚI		
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 01 năm 2020	Tháng 12 năm 2020
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG			
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	103,27	99,03	100,06
1- Lương thực	109,12	101,03	100,64
2- Thực phẩm	106,37	106,10	100,83
3- Ăn uống ngoài gia đình	110,25	99,69	100,81
II. Đồ uống và thuốc lá	107,53	102,17	100,15
III. May mặc, mũ nón, giày dép	102,43	100,80	100,32
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	102,23	100,47	100,44
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,03	96,45	97,69
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	101,77	100,48	100,08
Trong đó: Dịch vụ y tế	102,28	100,36	100,01
VII. Giao thông	102,40	100,17	100,00
VIII. Bưu chính viễn thông	93,73	89,73	102,29
IX. Giáo dục	98,59	99,42	99,90
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	107,11	104,13	100,33
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	107,69	104,53	100,38
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	99,00	97,39	100,08
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	104,18	101,42	100,24
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	141,53	128,19	102,17

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng